

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum  
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDTNT THPT huyện Kon Plông  
Mã đơn vị: 1012069  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC  
Năm 2024

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |                 |            |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                    | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                              | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                            | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| I   | Tài sản cố định khác                                          |                                    | 256      | 7.256.264                                                    | 3.099.349       | 4.148.915  | 2.085.653       |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                       |                 | 18.332     | 14.666          |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 3   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 4   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 7   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 8   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 9   | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 10  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 11  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 12  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                       |                 | 14.980     | 2.996           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng         | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                         |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                         |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                       | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 13  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 14  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 15  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 16  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 17  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 18  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 19  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 20  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 21  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 22  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 23  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 24  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 25  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 26  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 27  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 28  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 29  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 30  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin           | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 31  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 32  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 33  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 34  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 35  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 36  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 37  | Máy tính DeLL coi5 cho giáo viên phòng tin                    | Phòng Tin học                      | 1        | 15.000                                                          |                 | 15.000     | 3.000            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 38  | Máy tính học sinh phòng máy                                   | Phòng dạy tin                      | 24       | 387.046                                                         |                 | 387.046    |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 39  | Máy tính HP15                                                 | Phòng bộ môn Mỹ Thuật              | 1        | 25.290                                                          | 25.290          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 40  | Máy tính LENOVOG4070                                          | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 13.000                                                          | 13.000          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 41  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 42  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 43  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 44  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 45  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 46  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 47  | Máy tính phòng tin                                            | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 48  | Server cho máy chủ phòng tin học                              | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông  | 1        | 22.753                                                          | 22.753          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức                               | Bộ phận sử dụng                   | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                                                             |                                   |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                                                             |                                   |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                                                           | 3                                 | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 49  | Thiết bị mạng, thiết bị điện và phụ kiện                                                    | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông | 1        | 19.002                                                          | 19.002          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 50  | Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch( DML CD 654K) | Phòng ngoại ngữ                   | 1        | 39.400                                                          |                 | 39.400     | 7.880            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 51  | Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch( DML CD 654K) | Phòng ngoại ngữ                   | 1        | 39.400                                                          |                 | 39.400     | 7.880            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 52  | Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch( DML CD 654K) | Phòng ngoại ngữ                   | 1        | 39.400                                                          |                 | 39.400     | 7.880            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 53  | Ti vi 65 Inch kết nối máy vi tính màn hình Viewtouch LED 65 (SỔ CẤP 2021)Inch( DML CD 654K) | Phòng ngoại ngữ                   | 1        | 39.400                                                          |                 | 39.400     | 7.880            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 54  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 55  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 56  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 57  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 58  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 59  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 60  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 61  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 62  | Ti Vi SMART 4K 65 INCH                                                                      | Trường PT DTNT KonPlông           | 1        | 42.500                                                          |                 | 42.500     | 8.500            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 63  | Tivi LG 660LX 541H                                                                          | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông | 8        | 267.920                                                         |                 | 267.920    |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 64  | Tivi LG LV-340C                                                                             | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông | 2        | 48.006                                                          | 48.006          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức                | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                                              |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                                              |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                                            | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 65  | Tivi thông minh LG 55 inc                                                    | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 2        | 68.550                                                          | 68.550          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 66  | Trang bị thiết bị phòng họp trực tuyến, Tivi, micro, Bộ điều khiển, Camera.. | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 95.000                                                          | 95.000          |            | 19.000           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 67  | Sân khấu văn nghệ                                                            | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 30.459                                                          | 30.459          |            | 3.807            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 68  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 69  | Sân đường bộ                                                                 | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 815.366                                                         |                 | 815.366    | 652.293          |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 70  | Phần mềm thời khóa biểu                                                      | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 15.000                                                          | 15.000          |            | 6.000            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 71  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 72  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 73  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 74  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 75  | Máy tính phòng tin                                                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.980                                                          |                 | 14.980     | 2.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 76  | Máy tính thư viện Acer X4650G                                                | Phòng dạy tin                      | 3        | 55.282                                                          | 55.282          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 77  | Máy tính xách tay Dell N3530                                                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 15.000                                                          | 15.000          |            | 12.000           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 78  | Máy tính xách tay HP 15                                                      | Phòng tư vấn học đường             | 1        | 26.000                                                          | 26.000          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 79  | Máy tính xách tay Intel Core i7 - 6500U                                      | Phòng dạy tin                      | 8        | 196.000                                                         | 196.000         |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 80  | Máy tính xách tay Y4G01PA                                                    | Phòng giáo vụ                      | 1        | 25.000                                                          |                 | 25.000     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 81  | Máy vi tính để bàn                                                           | Phòng Tin học                      | 10       | 85.000                                                          | 85.000          |            |                  |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 82  | MTXT Acer P449M                                               | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông  | 1        | 39.005                                                          | 39.005          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 83  | Nhà lắp ráp phơi đồ học sinh chế độ nội trú                   | Tổ quản lý nội trú                 | 1        | 130.000                                                         |                 | 130.000    | 117.000          |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 84  | Phần mềm kế toán HCSN                                         | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 10.500                                                          | 10.500          |            | 4.200            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 85  | Phần mềm quản lý tiền lương                                   | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 19.900                                                          | 19.900          |            | 3.980            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 86  | Phần mềm Quản lý tiền lương MISA SalaGov                      | Phòng kế toán                      | 1        | 19.900                                                          | 19.900          |            | 3.980            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 87  | Phần mềm quản lý trường học                                   | Phân hiệu trường PTDTNT            | 1        | 15.000                                                          |                 | 15.000     | 6.000            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 88  | Phần mềm tạo đề chấm thi trắc nghiệm MrTEST 6.0S              | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 27.320                                                          |                 | 27.320     | 10.928           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 89  | Phần mềm tạo đề và chấm trắc nghiệm MrTEST 6.0                | Phòng giáo vụ                      | 1        | 27.320                                                          | 27.320          |            | 7.109            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 90  | Sân bóng chuyền                                               | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 284.069                                                         | 284.069         |            | 113.628          |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 91  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 92  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 93  | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 94  | Hệ thống bếp lò hơi cơ khí D350                               | Nhà bếp học sinh                   | 1        | 205.500                                                         | 205.500         |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 95  | Hệ thống Camera quan sát KBVISION                             | Phòng hội đồng                     | 1        | 27.000                                                          | 27.000          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 96  | Hệ thống loa, âm ly                                           | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 1        | 55.900                                                          | 55.900          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 97  | Hệ thống máy lọc nước 7 vòi                                   | Bếp ăn tập thể                     | 1        | 115.893                                                         | 115.893         |            | 23.179           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 98  | Hệ thống thoát nước, điện ngoài nhà                           | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 66.558                                                          |                 | 66.558     | 39.935           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 99  | Kết sắt đôi mã HP                                             | Phòng Văn thư - Thủ quỹ            | 1        | 13.800                                                          | 13.800          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 100 | Loa trợ giảng Inno SM- A738( SỐ CẤP 2021)                     | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 10.950                                                          |                 | 10.950     | 2.190            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 101 | Loa trợ giảng Inno SM- A738( SỐ CẤP 2021)                     | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 10.950                                                          |                 | 10.950     | 2.190            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 102 | Loa trợ giảng Inno SM- A738( SỐ CẤP 2021)                     | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 10.950                                                          |                 | 10.950     | 2.190            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 103 | Loa trợ giảng Inno SM- A738( SỐ CẤP 2021)                     | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 10.950                                                          |                 | 10.950     | 2.190            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 104 | Màn hình LED tương tác 65 inc INNOITV-650                     | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 1        | 82.670                                                          |                 | 82.670     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 105 | Máy ảnh Canon LS750D                                          | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 1        | 16.150                                                          | 16.150          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 106 | Máy chấm trắc nghiệm                                          | Phòng giáo vụ                      | 1        | 46.070                                                          | 46.070          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 107 | Máy chiếu công nghệ đa năng VIEWSONY CPJD5255                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 25.290                                                          |                 | 25.290     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 108 | Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210 phan hiệu                     | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 52.506                                                          |                 | 52.506     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 109 | Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210WN                             | Phòng bộ môn sinh học              | 1        | 52.506                                                          | 52.506          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 110 | Máy chiếu đa vật thể VERTEX D-4105S                           | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 1        | 21.950                                                          | 21.950          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 111 | Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P                              | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 17.902                                                          | 17.902          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 112 | Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P                              | Phòng bộ môn khoa học xã hội       | 1        | 17.902                                                          | 17.902          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 113 | Hệ thống âm thanh di động                                     | Phòng đa năng                      | 1        | 25.928                                                          | 25.928          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 114 | Máy chủ ACER AT350-F3 phòng máy tính                          | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông  | 1        | 129.766                                                         | 129.766         |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 115 | Hệ thống âm ly loa đài                                        | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 60.000                                                          |                 | 60.000     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 116 | Giếng nước khu bán trú nhà tạm                                | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 19.959                                                          | 19.959          |            | 1.996            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 117 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 10.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 118 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 119 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 120 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 121 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 122 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 123 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 124 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 125 | Máy tính để bàn giáo viên Acer Veriton M4680G                 | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 18.332                                                          |                 | 18.332     | 14.666           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 126 | Âm ly di động cấp 2024                                        | Phòng chức năng                    | 1        | 11.170                                                          |                 | 11.170     | 8.936            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 127 | Âm ly di động INNOSM-A738                                     | Phòng Thiết bị, thí nghiệm         | 1        | 10.000                                                          |                 | 10.000     |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 128 | Bàn ghế tiếp khách (Gỗ nhóm I)                                | Phòng hiệu trưởng                  | 1        | 19.500                                                          | 19.500          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 129 | Bản quyền phần mềm chấm thi trắc nghiệm MR.TEST 3.4           | Phòng giáo vụ                      | 1        | 20.000                                                          | 20.000          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |



| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 130 | Bộ lưu điện cho máy chủ phòng tin học                         | Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông  | 1        | 22.753                                                          | 22.753          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 131 | Cột bóng rổ L12                                               | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 14.500                                                          |                 | 14.500     | 7.250            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 132 | Đàn Phím tử                                                   | Phòng bộ môn âm nhạc               | 1        | 11.420                                                          |                 | 11.420     | 9.993            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 133 | Đường dây 0,4KV cấp điện tổng                                 | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 105.879                                                         | 105.879         |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 134 | Giếng khoan                                                   | Trường PT DTNT KonPlông            | 1        | 213.064                                                         | 213.064         |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 135 | Giếng nước 10M KỶ TÚC XÁ                                      | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 29.699                                                          | 29.699          |            | 5.940            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 136 | Giếng nước và hệ thống nước sinh hoạt                         | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 71.605                                                          | 71.605          |            | 21.482           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 137 | Máy fax CANON I-170                                           | Phòng văn thư                      | 1        | 11.251                                                          | 11.251          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 138 | Máy in Laser khổ A3                                           | Phòng giáo vụ                      | 1        | 10.000                                                          |                 | 10.000     | 2.000            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 139 | Máy in laser trắng đen Canon LBP 253X                         | Phòng văn thư                      | 1        | 13.752                                                          | 13.752          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 140 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 141 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 142 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 143 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 144 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 145 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 146 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 147 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                 |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                 |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3               | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 148 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 149 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 150 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 151 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 152 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 153 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 154 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 155 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 156 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 157 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 158 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 159 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 160 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 161 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 162 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin   | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 163 | Máy lọc nước RO 100L                                          | Khu Kí túc xá   | 1        | 99.500                                                          | 99.500          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 164 | Máy ổn áp tự động SH 10000 II                                 | Phòng Tin học   | 1        | 10.500                                                          |                 | 10.500     | 2.100            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 165 | Máy photo Konika                                              | Phòng giáo vụ   | 1        | 60.500                                                          | 60.500          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng                    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |                 |            | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                                    |          | Tổng cộng                                                       | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                                    |          |                                                                 | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3                                  | 4        | 5                                                               | 6               | 7          | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| 166 | Máy photocopy KONICAMI NOLTA BIZUB 206                        | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 39.900                                                          |                 | 39.900     | 7.481            |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 167 | Máy photocopy Konika Minolta Bizhub 368                       | Phòng giáo vụ                      | 1        | 82.500                                                          | 82.500          |            | 41.250           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 168 | Máy photocopy SHARP AR-M460N                                  | Phòng văn thư                      | 1        | 107.513                                                         | 107.513         |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 169 | Máy quay KTS                                                  | Phòng văn thư                      | 1        | 20.527                                                          | 20.527          |            | 2.566            |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 170 | Máy quét tài liệu chuyên dụng DR-C240 DULEX                   | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 46.070                                                          | 46.070          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 171 | Máy Scan PLUSTEK PS4080U                                      | Phòng văn thư                      | 1        | 25.003                                                          | 25.003          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 172 | Tủ hồ sơ HP 2 cánh (tủ sắt)                                   | Trường PT DTNT KonPlông            | 2        | 11.600                                                          | 11.600          |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 173 | Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)                                    | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 20.940                                                          |                 | 20.940     | 4.188            |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 174 | Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)                                    | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 20.940                                                          |                 | 20.940     | 4.188            |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 175 | Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)                                    | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 20.940                                                          |                 | 20.940     | 4.188            |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 176 | Máy tính cho giáo viên tin học                                | Phòng dạy tin                      | 1        | 20.027                                                          | 20.027          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 177 | Máy tính để bàn Acer                                          | TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG | 1        | 12.845                                                          | 12.845          |            |                  |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 178 | Máy tính để bàn chipset H61                                   | Phòng Tin học                      | 3        | 34.500                                                          | 34.500          |            |                  |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |
| 179 | Máy tính để bàn giáo viên phòng học(2024)                     | Phòng dạy tin                      | 1        | 18.650                                                          |                 | 18.650     | 14.920           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 180 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 181 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 182 | Máy tính để bàn phòng tin học cấp năm 2024                    | Phòng dạy tin                      | 1        | 16.329                                                          |                 | 16.329     | 13.063           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 183 | Máy tính bàn (SỔ CẤP 2021)                                    | Phòng ngoại ngữ                    | 1        | 20.940                                                          |                 | 20.940     | 4.188            |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 184 | Tủ HS gỗ tự nhiên nhóm IV                                     | Khu Kí túc xá                      | 20       | 190.000                                                         | 190.000         |            |                  |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |

**Người lập báo cáo**  
(Ký, họ tên)

**Nguyễn Thị Duyên**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

**Phan Anh Khánh**